

Lê Thị Sao Chi

**Khảo sát lời độc thoại nội tâm nhân vật
trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu,
Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Thị Thu Huệ**

Chuyên ngành: Lý luận ngôn ngữ

Mã số: 62.22.01.01

Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Vinh

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
MỞ ĐẦU	6
1. Lý do chọn đề tài	6
2. Lịch sử vấn đề	7
3. Đối tượng nghiên cứu và nguồn dẫn liệu	16
4. Nhiệm vụ nghiên cứu	16
5. Phương pháp nghiên cứu	17
6. Đóng góp của đề tài	18
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI	20
1.1. Một số khái niệm của lý thuyết hội thoại liên quan đến lời độc thoại nội tâm	20
1.2. Độc thoại nội tâm trong truyện ngắn	24
1.3. Tiêu chí nhận diện lời độc thoại nội tâm nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Thị Thu Huệ	39
1.4. Tiểu kết chương 1	58
Chương 2: CÁC HÀNH ĐỘNG NGÔN NGỮ CỦA LỜI ĐỘC THOẠI NỘI TÂM NHÂN VẬT TRONG TRUYỆN NGẮN NGUYỄN MINH CHÂU, NGUYỄN HUY THIỆP, NGUYỄN THỊ THU HUỆ	60
2.1. Khái niệm hành động ngôn ngữ	60
2.2. Phân biệt hành động ngôn ngữ trong đối thoại và hành động ngôn ngữ trong độc thoại	61
2.3. Tiêu chí xác định loại hành động ngôn ngữ của lời độc thoại nội tâm nhân vật	71
2.4. Thống kê, miêu tả các hành động ngôn ngữ của lời độc thoại nội tâm nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Thị Thu Huệ	74
2.5. Những nhân tố chi phối việc lựa chọn hành động ngôn ngữ của lời độc	

thoại nội tâm	97
2.6. Tiêu kết chương 2	108
Chương 3: NGŨ NGHĨA LỜI ĐỘC THOẠI NỘI TÂM NHÂN VẬT TRONG TRUYỆN NGẮN NGUYỄN MINH CHÂU, NGUYỄN HUY THIỆP, NGUYỄN THỊ THU HUỆ	110
3.1. Khái niệm ngữ nghĩa của lời	110
3.2. Các nhân tố chi phối ngữ nghĩa lời độc thoại nội tâm	113
3.3. Các nhóm ngữ nghĩa của lời độc thoại nội tâm	132
3.4. Tiêu kết chương 3	158
Chương 4: VAI TRÒ CỦA LỜI ĐỘC THOẠI NỘI TÂM TRONG TRUYỆN NGẮN NGUYỄN MINH CHÂU, NGUYỄN HUY THIỆP, NGUYỄN THỊ THU HUỆ	160
4.1. Vai trò biểu hiện tâm lý và tính cách nhân vật trong tính đối thoại của lời độc thoại nội tâm	160
4.2. Vai trò định hướng hành động nhân vật trong cấu tạo lập luận của lời độc thoại nội tâm	166
4.3. Vai trò thể hiện phạm vi hiện thực trong tác phẩm qua sắc thái giới tính của lời độc thoại nội tâm	176
4.4. Vai trò khắc họa phong cách ngôn ngữ tác giả của lời độc thoại nội tâm	191
4.5. Vai trò thể hiện sự đổi mới thi pháp truyện ngắn của lời độc thoại nội tâm	195
4.6. Tiêu kết chương 4	200
KẾT LUẬN	203
TÀI LIỆU THAM KHẢO	207

MỤC LỤC CÁC BẢNG THỐNG KÊ

	<i>Trang</i>
Bảng 2.1. Tần số xuất hiện của lời độc thoại nội tâm	74
Bảng 2.2. Các hành động ngôn ngữ của lời độc thoại nội tâm nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Thị Thu Huệ	75
Bảng 2.3. Các hành động ngôn ngữ tiêu biểu trong lời độc thoại nội tâm	98
Bảng 2.4. So sánh tương quan số lượng giữa hành động hỏi và hành động khẳng định trong lời độc thoại nội tâm của nhân vật	107
Bảng 3.1. Không gian độc thoại	116
Bảng 3.1.a. Các không gian công cộng phổ biến	119
Bảng 3.1.b. Các nội dung độc thoại trong không gian gia đình	121
Bảng 3.1.c. Các không gian gia đình phổ biến	122
Bảng 3.2. Thời gian độc thoại	123
Bảng 3.3. Trạng thái tâm lý chủ thể khi độc thoại nội tâm	128
Bảng 3.3.a. Các loại trạng thái tâm lý dương tính	128
Bảng 3.3.b. Các loại trạng thái tâm lý âm tính	130
Bảng 3. 4. Các nhóm ngữ nghĩa của lời độc thoại nội tâm	134
Bảng 3.4.a. Các phương diện tìm hiểu về bản thân của chủ thể độc thoại	135
Bảng 3.4.b. Các mối quan hệ giữa chủ thể độc thoại với những người xung quanh	143
Bảng 3.4.c. Những sự vật, hiện tượng khách quan được đề cập trong lời độc thoại nội tâm	148

Bảng 3.4.d. Các nội dung triết lý nhân sinh trong lời độc thoại nội tâm	152
Bảng 3.4.đ. Các sắc thái tình yêu trong lời độc thoại nội tâm	154
Bảng 4.1. Vị trí của kết luận trong lập luận	169
Bảng 4.2. Tổ chức lập luận trong lời độc thoại nội tâm	175
Bảng 4.3. Số lượng hành động hỏi trong lời độc thoại nội tâm của nhân vật nam và nhân vật nữ	181
Bảng 4.4. Số lượng hành động khẳng định, hành động phủ định trong lời độc thoại nội tâm của nhân vật nam và nhân vật nữ	182
Bảng 4.5. Các từ, cụm từ biểu thị khả năng trong lời độc thoại nội tâm các nhân vật nữ của Nguyễn Thị Thu Huệ	186
Bảng 4.6. Các từ, cụm từ biểu thị cách diễn đạt khẳng định/ phủ định trong lời độc thoại nội tâm các nhân vật nam của Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Huy Thiệp	187

BẢNG CHÚ THÍCH VIẾT TẮT

TT	Nội dung viết tắt	Ký hiệu viết tắt
1	Độc thoại nội tâm	ĐTNT
2	Nguyễn Minh Châu	NMC
3	Nguyễn Huy Thiệp	NHT
4	Nguyễn Thị Thu Huệ	NTTH

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Lời nói là khái niệm có ý nghĩa tiền đề, là đối tượng nghiên cứu trung tâm của ngữ dụng học. Không nghiên cứu ngôn ngữ ở dạng tĩnh với những quy luật và cấu trúc cứng nhắc, bất biến, ngữ dụng học chú trọng đến việc sử dụng ngôn ngữ trong hoạt động giao tiếp, xem xét mối quan hệ giữa ngôn ngữ với những ngữ cảnh và người dùng khác nhau. Hướng tiếp cận này cho phép ngữ dụng học có thể nhận ra những dạng thức, quy luật hành chức sinh động và đa dạng của ngôn ngữ.

1.2. Khi giao tiếp, lời nói được tổ chức thành hai dạng: lời đối thoại và lời độc thoại nội tâm (ĐTNT). Lời đối thoại luôn thể hiện mối quan hệ tương tác giữa người nói và người nghe trực tiếp, hiện diện trực quan trong quá trình nói năng. Do vậy, nó là nguồn tư liệu quan trọng để ngữ dụng học tìm ra những nguyên tắc, đặc tính hành chức của ngôn ngữ. Trong đời sống thực, lời ĐTNT thường diễn ra ngầm ẩn, không hướng đến người nghe nào khác ngoài chính bản thân chủ thể độc thoại. Nó là dạng lời thoại được người nói sử dụng để giao tiếp với chính mình - người nghe đặc biệt. Những đặc điểm này khiến việc nghiên cứu lời ĐTNT từ lý thuyết hội thoại hầu như còn bỏ trống.

1.3. Lời ĐTNT tồn tại khá phổ biến trong thực tế sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp, nhưng nó chỉ hiện diện rõ ràng, cụ thể ở tác phẩm nghệ thuật (kịch, tiểu thuyết, truyện ngắn). Sự tái hiện ĐTNT vào tác phẩm nghệ thuật tất yếu không thể đảm bảo tuyệt đối tính khách quan, nguyên bản của dạng lời nói này nhưng trên một mức độ nhất định, các nhà văn luôn phải tôn trọng các đặc tính bản chất, các nguyên tắc nảy sinh và sự hành chức của nó. Vì thế, khi chưa có điều kiện vật chất hoá lời ĐTNT ở đời sống thực, lời ĐTNT trong tác phẩm nghệ thuật là một nguồn tư liệu đủ tin cậy cho phép việc nghiên cứu về nó có thể đạt được những kết quả cơ bản bước đầu. Đồng thời, tìm hiểu dạng lời nói này trong tác phẩm văn học cũng là tìm hiểu cách thức tổ chức ngôn ngữ nghệ thuật của nhà văn, góp phần nhận diện phong cách ngôn ngữ tác giả.

1.4. Sau 1975, văn học Việt Nam chuyển sang một thời kỳ phát triển mới, có những chuyển đổi mạnh mẽ về tư tưởng và phương pháp sáng tác. Các tác phẩm tập trung thể hiện cuộc sống của con người cá nhân, những hậu quả mà chiến tranh để lại trong thời bình. Trong sự đổi mới đó, thể loại truyện ngắn đã đạt được nhiều thành quả nhất.

Nguyễn Minh Châu là một trong những nhà văn tiên phong của tiến trình đổi mới văn học. Truyện ngắn của ông, ngay từ những năm đầu của thập niên 80 (thế kỷ 20), đã bộc lộ rõ khát vọng khám phá đời sống nội tâm con người trong thời đại mới, đặc biệt là người lính trở về sau chiến tranh. Lời ĐTNT nhân vật là một phương tiện ngôn ngữ được ông sử dụng rất hiệu quả để phản ánh phạm vi hiện thực này, góp phần tạo nên dấu ấn phong cách độc đáo của tác giả.

So với Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Huy Thiệp và Nguyễn Thị Thu Huệ là những nhà văn thuộc về thế hệ sau. Trong những năm 90 (thế kỷ 20), đây là hai tác giả truyện ngắn nổi tiếng. Ngôn ngữ truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp rất sắc sảo, thể hiện nổi bật trong lời thoại nhân vật. Ngôn ngữ truyện ngắn Nguyễn Thị Thu Huệ giàu nữ tính, phù hợp với việc tái hiện cuộc sống tâm hồn, tình cảm của các nhân vật nữ. Khảo sát lời ĐTNT nhân vật trong truyện ngắn của họ sẽ cho phép sự nghiên cứu về dạng lời nói này trở nên toàn diện, đầy đủ hơn.

Từ những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra nói trên, chúng tôi lựa chọn đề tài: *Khảo sát lời độc thoại nội tâm nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Thị Thu Huệ.*

2. Lịch sử vấn đề

2.1. Những kết quả nghiên cứu có tính chất tiền đề về độc thoại nội tâm (monologue intérieur)

Mặc dù độc thoại xuất hiện từ khá sớm (gắn liền với sự ra đời của kịch - một loại hình nghệ thuật sân khấu) nhưng ĐTNT chỉ bắt đầu được chú ý vào những năm cuối thế kỷ 18 và thực sự được tập trung nghiên cứu từ đầu thế kỷ 20. Những tiểu thuyết phương Tây hiện đại như: *Ulysse* (James Joyce); *Đi tìm thời gian đã mất* (M. Proust); *Thời gian khổ* (Dickens) đã sử dụng ĐTNT với tư cách là một “*phương*

tiện” đã tới kịp vừa may để diễn đạt căn bệnh mới của thế kỷ trong tiểu thuyết mới [25, tr.69]. Sự xuất hiện của ĐTNT một cách dày đặc và mới lạ trong tiểu thuyết hiện đại đã thu hút sự chú ý của các nhà nghiên cứu ở ngoài nước cũng như trong nước.

2.1.1. Những kết quả nghiên cứu về độc thoại nội tâm ở ngoài nước

Vấn đề đầu tiên mà các nhà nghiên cứu ở nước ngoài đặt ra là xác định tư cách tồn tại của ĐTNT trong tiểu thuyết và truyện ngắn. Có thể khái quát kết quả nghiên cứu về vấn đề này thành hai xu hướng cơ bản: ĐTNT với tư cách là một kỹ thuật, một thủ pháp của nhà văn trong xây dựng tác phẩm và ĐTNT với tư cách là một dạng lời thoại, được nhân vật sử dụng để thực hiện sự giao tiếp.

Tiêu biểu cho xu hướng thứ nhất là quan điểm của hai tác giả William Flin Thrall và Mario Klarer. Trong cuốn *A handbook to literature (Cẩm nang văn học)* tác giả William Flin Thrall nhìn nhận ĐTNT chỉ là *một kỹ thuật, trong đó, luồng suy nghĩ của một nhân vật trong một tiểu thuyết hoặc truyện ngắn được bộc lộ. Nó ghi lại trải nghiệm cảm xúc bên trong của nhân vật trên từng cấp độ hoặc là sự phối hợp nhiều cấp độ tình cảm.* Theo ông, ĐTNT không phải là lời thoại mà là một hình thức *phi thoại (non - verbalize)*, được dùng để *diễn đạt cảm giác hoặc tình cảm không diễn tả bằng lời* [131, tr.243]. Thống nhất với quan điểm này, Mario Klarer cũng khẳng định ĐTNT là *một kỹ thuật miêu tả trong đó một nhân vật được đặc trưng hoá riêng biệt bằng suy nghĩ của chính nhân vật đó mà không có thêm bất cứ lời bình luận nào. Nó bị chi phối bởi tâm lý và liên quan đến luồng suy nghĩ của nhân vật* [127, tr.142]. Như vậy, ĐTNT đã được nhìn nhận như một cách thức, một thủ pháp của nhà văn để biểu đạt suy nghĩ, tình cảm, cảm giác bên trong, ngầm ẩn của nhân vật. ĐTNT không được xem là dạng lời thoại do nhân vật trực tiếp nói ra để thực hiện sự giao tiếp trong một ngữ cảnh nhất định.

Tiêu biểu cho xu hướng thứ hai là cách nhìn nhận của nhà ngôn ngữ học V.B. Kasevich trong giáo trình *Những yếu tố cơ sở của ngôn ngữ học đại cương*. Khi nói về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy, ông đã nhận ra sự tồn tại của *những kiểu tư duy mà ở đó hình thức lời nói được sử dụng nhưng dường như đã bị*

rút gọn: nó chỉ giữ lại một số những yếu tố quan trọng nhất, còn tất cả những cái gì là “tất nhiên” thì đều không được thể hiện bằng lời nói [51, tr.18]. Từ đó, dẫn đến một thực tế thường gặp trong đối thoại là ở những tình huống khá quen thuộc thì những cái được coi là đã biết sẽ được bỏ qua, không được người nói và người nghe đưa vào trong phát ngôn của mình. Điều đặc biệt là tác giả Kasevich cho rằng: quá trình “ép nén” các phương tiện ngôn ngữ như thế lại càng hiển nhiên hơn trong trường hợp các độc thoại tưởng tượng, hoặc “độc thoại cho mình”, tức là khi không cần phải lo lắng để đạt được sự lĩnh hội từ phía người đối thoại [51, tr.18]. Như vậy, ông đã khẳng định: cả lời đối thoại và lời độc thoại đều có thể có những đặc điểm hành chức giống nhau để tiến hành giao tiếp có hiệu quả. Không chỉ thừa nhận sự tồn tại của ĐTNT, Kasevich còn chỉ ra một trong những quy luật quan trọng của nó: ĐTNT là dạng lời nói không chịu sự chi phối từ một người nghe phân biệt như đối thoại. Xem xét ĐTNT trong mối quan hệ với người nghe, Kasevich đã khẳng định ĐTNT là một dạng lời thoại được con người sử dụng để giao tiếp.

Vấn đề thứ hai mà các nhà nghiên cứu nước ngoài quan tâm khi tìm hiểu về ĐTNT trong tiểu thuyết là xác định ĐTNT, phân biệt nó với khái niệm dòng ý thức. Hai khái niệm này có mối quan hệ gần gũi với nhau, ranh giới giữa chúng trong tiểu thuyết nhiều khi khó phân biệt. Tác giả Tamara Motilova trong bài *Độc thoại nội tâm và dòng tâm tư* đã đồng nhất hai khái niệm và cho rằng:

Nó xuất hiện như diễn từ không biểu đạt thành lời của các nhân vật hoặc như diễn từ của tác giả, nhân danh mình mà nói, nhưng có thể coi như đã mượn từ vựng và giọng điệu của nhân vật; hoặc như đối thoại bên trong, ở đó, giọng nói của nhân vật bị xé làm đôi thành hai giọng phân biệt và đối nghịch; nó xuất hiện dưới hình thức một chuỗi kết luận có tổ chức cũng như qua những ý kiến mơ hồ và hỗn loạn [dẫn theo 25, tr. 69-70].

Theo quan niệm trên, tác giả Motilova đã chỉ ra những hình thức tồn tại của ĐTNT. Thứ nhất, đó là dạng ĐTNT có sự lai ghép, vay mượn giữa ngôn ngữ nhà văn và ngôn ngữ nhân vật. Thứ hai, đó là những lời đối thoại bên trong của nội tâm nhân vật. Thứ ba, đó là những ý kiến mơ hồ và hỗn loạn. Hình thức cuối cùng